

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố 04 thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 04 thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Kiểm soát TTHC - Bộ Tư pháp;
- Phòng NN&PTNT, phòng Kinh tế (UBND cấp huyện sao gửi);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Công Lự

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Stt	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực an toàn thực phẩm	
1	Thủ tục cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm
2	Thủ tục kiểm tra, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản
3	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp giấy chứng nhận sắp hết hạn
4	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm

PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm có trách nhiệm nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc gửi theo đường bưu điện.

Bước 2: Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ

Công chức tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả kiểm tra hồ sơ:

* Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp hoặc vào sổ công văn đến (nếu gửi qua đường bưu điện)

* Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn người đến nộp hồ sơ hoặc gọi điện cho tổ chức (nếu gửi qua đường bưu điện) bổ sung hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức/cá nhân.

Bước 3: Kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm theo lĩnh vực quản lý.

Bước 4: Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho những người trả lời đúng 80% số câu hỏi trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành.

- Mẫu giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo mẫu số 02a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT.

Bước 5: Người nộp hồ sơ nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ ngày nghỉ, ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ đối với tổ chức:

- + Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo mẫu số 01a quy định tại phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT.

- + Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo mẫu số 01b quy định tại phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT.

- + Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (có dấu xác nhận của tổ chức).

- + Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

- Thành phần hồ sơ đối với cá nhân:

+ Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo mẫu số 01a quy định tại phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT.

+ Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân;

+ Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm tra) Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế có trách nhiệm cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

đ) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện; Phòng Kinh tế thị xã, thành phố.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện; Phòng Kinh tế thị xã, thành phố.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ cơ sở và người tham gia trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại các cơ sở có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cấp.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đối với tổ chức: Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo mẫu số 01a, Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo mẫu số 01b quy định tại phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT.

- Đối với cá nhân: Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo mẫu số 01a quy định tại phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT.

h) Phí, lệ phí: Chưa quy định

i) Kết quả thực hiện:

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Thời hạn và hiệu lực của kết quả: 03 năm kể từ ngày cấp.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp & PTNT - Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Quyết định số 4780/QĐ-BNN-QLCL ngày 31/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Mẫu số 01a – Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

Kính gửi:....(cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về ATTP).....

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân:.....

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số:....., cấp
ngày.....tháng.....năm. Nơi cấp:.....

Địa chỉ:....., Số điện thoại:.....

Số Fax:....., Email:

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do...

..... (*) ban hành, chúng tôi / Tôi đã
hiểu rõ các quy định về nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá,
xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu

..... (*) ban hành.

(danh sách gửi kèm theo Mẫu đơn này).

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức/cá nhân

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Ghi chú: * Chọn 1 trong 3 cơ quan: Bộ Y tế; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông
thôn; Bộ Công Thương.

Mẫu số 01b – Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức
 (Kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của.....(tên tổ chức).....

TT	Họ và tên	Nam	Nữ	Số CMND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức xác nhận
 (Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

2. Thủ tục kiểm tra, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Cơ sở nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện thị xã, thành phố hoặc nộp theo một trong các hình thức sau: gửi qua Fax, E-mail, mạng điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính); gửi theo đường bưu điện.

Bước 2: Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ

Công chức tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả kiểm tra hồ sơ:

* Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp hoặc vào sổ công văn đến (nếu gửi qua đường bưu điện)

* Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn người đến nộp hồ sơ hoặc gọi điện cho tổ chức (nếu gửi qua đường bưu điện) bổ sung hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế thực hiện thẩm tra hồ sơ, kiểm tra, phân loại cơ sở do đơn vị đã thực hiện hoặc tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở (nếu cần trong trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra phân loại).

Bước 4: Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc không cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm trong đó phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 5: Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ ngày nghỉ, ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Gửi văn bản trực tiếp; Fax, Email, mạng điện tử; Qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ đăng ký bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm theo mẫu tại phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại: bản sao công chứng hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu;

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm theo phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT;

+ Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh);

+ Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp giấy xác nhận đủ sức khỏe (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện; Phòng Kinh tế thị xã, thành phố.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện; Phòng Kinh tế thị xã, thành phố.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản do Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

g) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại phụ lục VI; Bản thuyết minh cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm tại phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

h) Phí, lệ phí:

a. Phí:

- Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng/lần/cơ sở (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

- Phí thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

* Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm:

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu $\leq$ 100 triệu đồng/tháng: 2.000.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu $>$ 100 triệu đồng/tháng: 3.000.000 đồng/lần/cơ sở.

* Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm:

+ Cửa hàng bán lẻ thực phẩm: 500.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Đại lý, cửa hàng bán buôn thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.

- Phí kiểm tra định kỳ cơ sở sản xuất thực phẩm nông lâm sản và thủy sản (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

+ Cơ sở sản xuất nhỏ lẻ : 500.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu $\leq$ 100 triệu đồng/tháng: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu $>$ 100 triệu đồng/tháng: 1.500.000 đồng/lần/cơ sở.

b. Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm sản: 150.000 đồng/lần cấp (biểu số 1 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản: 40.000 đồng/lần cấp (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính).

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản.

Thời hạn hiệu lực của kết quả: 03 năm.

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận ATTP thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

k) Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản.

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Quyết định số 471/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

PHỤ LỤC VI

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU
KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan kiểm tra)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....
.....

2. Mã số (nếu có):

.....

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....
.....

4. Điện thoại..... Fax.....Email.....

5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:

.....

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị (tên cơ quan kiểm tra) cấp/ cấp lại Giấy chứng nhận
đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại:.....

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

.....

.....

PHỤ LỤC VII

BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BẢN THUYẾT MINH

Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....

2. Mã số (nếu có):

.....

3. Địa chỉ:

.....

4. Điện thoại:..... Fax: Email:

5. Loại hình sản xuất, kinh doanh

DN nhà nước

☐

DN 100% vốn nước ngoài

☐

DN liên doanh với nước ngoài

☐

DN cổ phần

☐

DN tư nhân

☐

Khác

☐

(ghi rõ loại hình)

6. Năm bắt đầu hoạt động:

.....

7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:

.....

8. Công suất thiết kế:

.....

9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):

.....

10. Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh m², trong đó:
- + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm : m²
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh : m²
- + Khu vực đóng gói thành phẩm : m²
- + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: m²
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng ☐ Nước giếng khoan ☐

Hệ thống xử lý: Có ☐ Không ☐

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đã sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất ☐ Mua ngoài ☐

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đã:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

.....

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:người.

+ Lao động gián tiếp:người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

- Tập huấn kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,.....)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Của cơ sở ☐

Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:.....

.....

- Thuê ngoài ☐

Tên những PKN gửi phân tích:.....

.....

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

3. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp giấy chứng nhận sắp hết hạn

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn, cơ sở nộp hồ sơ trực tiếp đề nghị cấp lại giấy chứng nhận an toàn thực phẩm tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện thị xã, thành phố hoặc nộp theo một trong các hình thức sau: gửi qua Fax, E-mail, mạng điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính); gửi theo đường bưu điện.

Bước 2: Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ

Công chức tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả kiểm tra hồ sơ:

* Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp hoặc vào sổ công văn đến (nếu gửi qua đường bưu điện)

* Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn người đến nộp hồ sơ hoặc gọi điện cho tổ chức (nếu gửi qua đường bưu điện) bổ sung hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế thực hiện thẩm tra hồ sơ kiểm tra, phân loại cơ sở do đơn vị đã thực hiện hoặc tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở (nếu cần trong trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra phân loại).

Bước 4: Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc không cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm trong đó phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 5: Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ các ngày nghỉ, ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Gửi văn bản trực tiếp; Fax, Email, mạng điện tử; Qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ đăng ký bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm theo mẫu tại phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại; bản sao công chứng hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu;

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm theo phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT;

+ Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh);

+ Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp giấy xác nhận đủ sức khỏe (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện; Phòng Kinh tế thị xã, thành phố.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện; Phòng Kinh tế thị xã, thành phố.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản do Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố cấp Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh.

g) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại phụ lục VI; Bản thuyết minh cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm tại phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

h) Phí, lệ phí:

a. Phí:

- Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng/lần/cơ sở (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

- Phí thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

* Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm:

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu $\leq$ 100 triệu đồng/tháng: 2.000.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu $>$ 100 triệu đồng/tháng: 3.000.000 đồng/lần/cơ sở.

* Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm:

+ Cửa hàng bán lẻ thực phẩm: 500.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Đại lý, cửa hàng bán buôn thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.

- Phí kiểm tra định kỳ cơ sở sản xuất thực phẩm nông lâm sản và thủy sản (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

+ Cơ sở sản xuất nhỏ lẻ : 500.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu $\leq$ 100 triệu đồng/tháng: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu $>$ 100 triệu đồng/tháng: 1.500.000 đồng/lần/cơ sở.

b. lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm sản: 150.000 đồng/lần cấp (biểu số 1 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản: 40.000 đồng/lần cấp (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính).

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản.

Thời hạn hiệu lực của kết quả: 03 năm.

Trường hợp không cấp lại, phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do

k) Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản.

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Quyết định số 471/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

PHỤ LỤC VI

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU
KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan kiểm tra)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....
.....

2. Mã số (nếu có):

.....

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....
.....

4. Điện thoại..... Fax.....Email.....

5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:

.....

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị (tên cơ quan kiểm tra) cấp/ cấp lại Giấy chứng nhận
đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại:.....

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

.....

.....

PHỤ LỤC VII

BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BẢN THUYẾT MINH

Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....

2. Mã số (nếu có):

.....

3. Địa chỉ:

.....

4. Điện thoại:..... Fax: Email:

5. Loại hình sản xuất, kinh doanh

DN nhà nước

☐

DN 100% vốn nước ngoài

☐

DN liên doanh với nước ngoài

☐

DN cổ phần

☐

DN tư nhân

☐

Khác

☐

(ghi rõ loại hình)

6. Năm bắt đầu hoạt động:

.....

7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:

.....

8. Công suất thiết kế:

.....

9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):

.....

10. Thị trường tiêu thụ chính:

.....

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh m², trong đó:

+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm : m²

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh : m²

+ Khu vực đóng gói thành phẩm : m²

+ Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: m²

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : m²

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng ☐

Nước giếng khoan ☐

Hệ thống xử lý: Có ☐

Không ☐

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đã sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất ☐

Mua ngoài ☐

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đã:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

.....

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:người.

+ Lao động gián tiếp:người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

- Tập huấn kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,.....)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Cửa cơ sở ☐

Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:.....

.....

- Thuê ngoài ☐

Tên những PKN gửi phân tích:.....

.....

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

4. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ sở nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện thị xã, thành phố hoặc nộp theo một trong các hình thức sau: gửi qua Fax, E-mail, mạng điện tử (sau đó gửi hồ sơ bản chính); gửi theo đường bưu điện.

Bước 2: Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ

Công chức tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả kiểm tra hồ sơ:

* Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp hoặc vào sổ công văn đến (nếu gửi qua đường bưu điện)

* Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn người đến nộp hồ sơ hoặc gọi điện cho tổ chức (nếu gửi qua đường bưu điện) bổ sung hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế kiểm tra hồ sơ và xem xét cấp hoặc không cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (trường hợp không cấp phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do).

Bước 3: Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ các ngày nghỉ, ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp; Fax, Email, mạng điện tử; Qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo mẫu tại phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

đ) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện; Phòng Kinh tế thị xã, thành phố.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện; Phòng Kinh tế thị xã, thành phố.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản do Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND các huyện/thị xã/ thành phố cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

g) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 45.2014/TT-BNNPTNT ngày 3/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

h) Phí, lệ phí:

a. Phí:

- Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản đủ điều kiện ATTP: 500.000 đồng/lần/cơ sở (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

- Phí thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

* Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm:

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu $\leq$ 100 triệu đồng/tháng: 2.000.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu $>$ 100 triệu đồng/tháng: 3.000.000 đồng/lần/cơ sở.

* Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm:

+ Cửa hàng bán lẻ thực phẩm: 500.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Đại lý, cửa hàng bán buôn thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.

- Phí kiểm tra định kỳ cơ sở sản xuất thực phẩm nông lâm sản và thủy sản (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

+ Cơ sở sản xuất nhỏ lẻ : 500.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu $\leq$ 100 triệu đồng/tháng: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu $>$ 100 triệu đồng/tháng: 1.500.000 đồng/lần/cơ sở.

b. lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm sản: 150.000 đồng/lần cấp (biểu số 1 ban hành kèm theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản: 40.000 đồng/lần cấp (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính).

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản.

- Thời hạn hiệu lực của kết quả: Trùng với thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cũ.

Trường hợp không cấp lại, phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do

k) Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý

- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản.

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Quyết định số 471/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

PHỤ LỤC VI

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU
KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan kiểm tra)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....
.....

2. Mã số (nếu có):

.....

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....
.....

4. Điện thoại..... Fax.....Email.....

5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:

.....

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị (tên cơ quan kiểm tra) cấp/ cấp lại Giấy chứng nhận
đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại:.....

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

.....

.....